

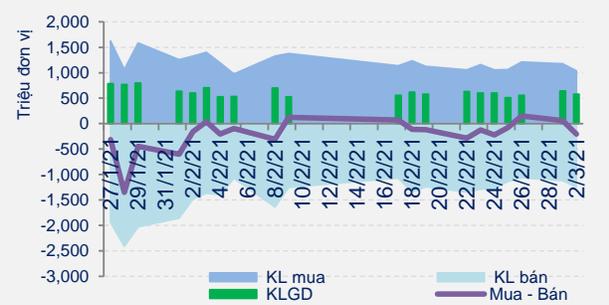
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 2/3/2021

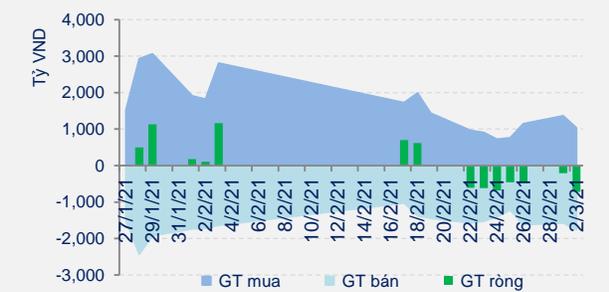
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,186.61	247.94
% Thay đổi	↑ 0.04%	↓ -1.76%
KLGD (CP)	577,004,910	119,500,269
GTGD (tỷ đồng)	15,217.09	2,112.13
Tổng cung (CP)	1,244,437,300	197,178,600
Tổng cầu (CP)	1,038,251,700	163,521,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	45,662,814	3,086,936
KL mua (CP)	27,633,320	992,210
GT mua (tỷ đồng)	1,036.84	18.88
GT bán (tỷ đồng)	1,756.53	64.87
GT ròng (tỷ đồng)	(719.69)	(46.00)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.01%	16.9	2.9	1.4%
Công nghiệp	↓ -0.16%	18.1	2.7	10.3%
Dầu khí	↓ -0.98%	-	2.0	6.0%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.82%	-	4.9	2.5%
Dược phẩm và Y tế	↓ -0.11%	14.7	2.4	0.2%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.37%	18.2	4.5	9.3%
Ngân hàng	↑ 0.28%	11.2	2.3	23.8%
Nguyên vật liệu	↑ 1.33%	16.4	2.3	17.6%
Tài chính	↓ -0.39%	19.6	3.3	26.4%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -0.81%	15.8	2.5	2.5%
VN - Index	↑ 0.04%	18.2	3.0	
HNX - Index	↓ -1.76%	16.0	4.4	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường tăng điểm trong phiên thứ tư liên tiếp với mức tăng nhẹ và thanh khoản suy giảm so với phiên trước đó. Cụ thể, kết thúc phiên giao dịch, VN-Index tăng 0,44 điểm (+0,04%) lên 1.186,61 điểm; HNX-Index giảm 4,43 điểm (-1,76%) xuống 247,94 điểm. Thanh khoản trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó và tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên với giá trị giao dịch đạt 17.329 tỷ đồng tương ứng với khối lượng giao dịch 696 triệu cổ phiếu, trong đó giao dịch thỏa thuận chiếm 1.652 tỷ đồng. Độ rộng thị trường là tích cực với 372 mã tăng, 151 mã giảm, 282 mã ngang. Thị trường tăng vào đầu phiên sáng nhưng áp lực bán sau đó đã khiến chỉ số đảo chiều xuống sắc đỏ, rất may là cầu trong phiên ATC giúp chỉ số kết phiên trên mức tham chiếu. Một số cổ phiếu lớn giúp VN-Index giữ được sắc xanh có thể kể đến như HPG (+1,1%), VCB (+0,1%), VJC (+1,1%), VRE (+1,3%), MWG (+0,7%), HDB (+3,5%), TCB (+0,2%)... Nhóm cổ phiếu thép NKG (+1,3%), HPG (+1,1%), TLH (+7%), VIS (+6,9%)... cùng nhóm phân bón DPM (+4,6%), DCM (+6,8%), LAS (+2,3%)... tăng khá tốt trong bối cảnh giá thép, phân bón tăng mạnh. Bên cạnh đó, nhóm khu công nghiệp, cao su cũng thu hút dòng tiền khá tốt với NTC (+2,7%), GVR (+1,4%), PHR (+2,6%), D2D (+0,7%), BCM (+0,7%)... Ở chiều ngược lại, một vài nhóm cổ phiếu tăng tốt những phiên gần đây như chứng khoán, bất động sản, xây dựng, dầu khí... chịu áp lực chốt lời và đóng cửa trong sắc đỏ.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Thị trường tiếp tục gặp khó khăn trước ngưỡng kháng cự tâm lý 1.200 điểm trong phiên hôm nay khi không thể chạm đến mốc này mặc dù chỉ số VN-Index đã vượt qua được ngưỡng 1.196 điểm ngay sau phiên ATO. Thanh khoản suy giảm trong phiên hôm nay thể hiện sự thận trọng của nhà đầu tư tại vùng giá hiện tại. Theo đó, trong ngắn hạn, thị trường có thể sẽ cần thêm thời gian để tích lũy dưới ngưỡng 1.200 điểm trước khi có thể bứt phá khỏi ngưỡng này trong thời gian tới. Bên cạnh đó, xu hướng trung hạn tiếp tục là tích cực do thị trường đang trong sóng tăng 5 với target trên lý thuyết quanh ngưỡng 1.250 điểm dự kiến sẽ đạt được vào đầu tháng 4/2021. Nhà đầu tư với tầm nhìn trung hạn có thể tiếp tục nắm giữ cổ phiếu với kỳ vọng sóng 5 sẽ tiếp tục trong thời gian tới. Nhà đầu tư ngắn hạn có thể quay trở lại thị trường nếu có nhịp điều chỉnh về vùng hỗ trợ mạnh quanh ngưỡng 1.130 điểm (MA20-50) hoặc chờ đợi thị trường bứt phá khỏi ngưỡng 1.200 điểm sau một thời gian tích lũy quanh vùng đỉnh.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

2/3/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch giằng co trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau. Chỉ số đạt mức cao nhất trong phiên sáng tại 1.196,16 điểm và mức thấp nhất trong phiên chiều tại 1.181,99 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 0,44 điểm (+0,04%) lên 1.186,61 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: TPB tăng 1.750 đồng, HPG tăng 500 đồng, GVR tăng 400 đồng. Ở chiều ngược lại, GAS giảm 900 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 255,065 điểm. Nhưng từ khoảng 11h trở đi, chỉ số chìm trong sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 247,93 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 4,43 điểm (-1,76%) xuống 247,94 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD giảm 10.200 đồng, SHB giảm 100 đồng, PVS giảm 500 đồng. Ở chiều ngược lại, IDJ tăng 1.300 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 719,69 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 18 triệu cổ phiếu. VNM là mã chứng khoán bị bán ròng nhiều nhất với 168,9 tỷ đồng tương ứng với 1,6 triệu cổ phiếu, tiếp theo là HPG với 145,8 tỷ đồng tương ứng với 3,1 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, PLX là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 95,9 tỷ đồng tương ứng với 1,6 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 46,27 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 2,1 triệu cổ phiếu. PVS là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 44,1 tỷ đồng tương ứng với 1,9 triệu cổ phiếu, tiếp theo là API với 4,8 tỷ đồng tương ứng với 221 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, NVB là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 6 tỷ đồng tương ứng với 394 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

9 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD

Theo báo cáo của Bộ Công thương, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 02/2021 ước tính đạt 20 tỷ USD, giảm 29,9% so với tháng trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 4,65 tỷ USD, giảm 31,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 15,35 tỷ USD, giảm 29,3%.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng điểm trong phiên thứ tư liên tiếp với mức tăng rất nhẹ và thanh khoản khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó, tiếp tục thấp hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy lực cầu không thực sự tốt, chỉ tăng nhẹ chủ yếu do hoạt động giảm bán của nhà đầu tư.

Góc nhìn về phân tích kỹ thuật là kịch bản sóng Elliott lập ra trước đó với việc sóng 3 đã kết thúc khi tăng từ ngưỡng 925 điểm lên ngưỡng 1.200 điểm (fibonacci extension 161,8% sóng 1) và sóng điều chỉnh 4 cũng đã kết thúc với target theo kịch bản tiêu chuẩn là quanh ngưỡng 1.040 điểm (fibonacci retracement 38,2% sóng 3) và kịch bản tiêu cực hơn là quanh ngưỡng 990 điểm (fibonacci retracement 50% sóng 3). Thực tế thì thị trường đã giảm dưới ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.000 điểm một chút rồi hồi phục trở lại trong phiên 29/1.

Vì sóng điều chỉnh 4 giảm mạnh hơn so với kịch bản tiêu chuẩn nên sóng tăng 5 sau đó với độ dài theo lý thuyết bằng sóng 1 tức là khoảng 250 điểm (từ 650 điểm lên 900 điểm) thì thị trường vẫn có khả năng sẽ vượt đỉnh lịch sử trong năm 2021 với target là quanh ngưỡng 1.250 điểm có thể đạt được vào đầu tháng 4/2021.

Xu hướng trung hạn tiếp tục là tích cực với việc thị trường vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 và chưa có dấu hiệu kết thúc sóng. Tuy nhiên, trong ngắn hạn, thị trường có thể sẽ có cần thêm thời gian để tích lũy dưới ngưỡng 1.200 điểm trước khi chính thức bứt phá khỏi ngưỡng này trong thời gian tới.

Ngưỡng hỗ trợ gần nhất quanh 1.130 điểm (MA20-MA50). Đây là vùng hợp lưu của hai ngưỡng hỗ trợ quan trọng nên sẽ là điểm mua tốt trong trường hợp thị trường có nhịp điều chỉnh mạnh.



TIN TRONG NƯỚC

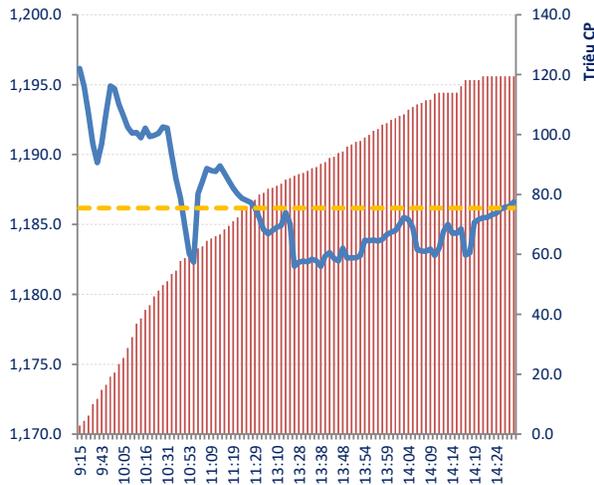
Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 55,65 - 56,1 triệu đồng/lượng, không đổi ở chiều mua vào và giảm 100.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 6 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 2/3 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.151 VND/USD, tăng 6 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

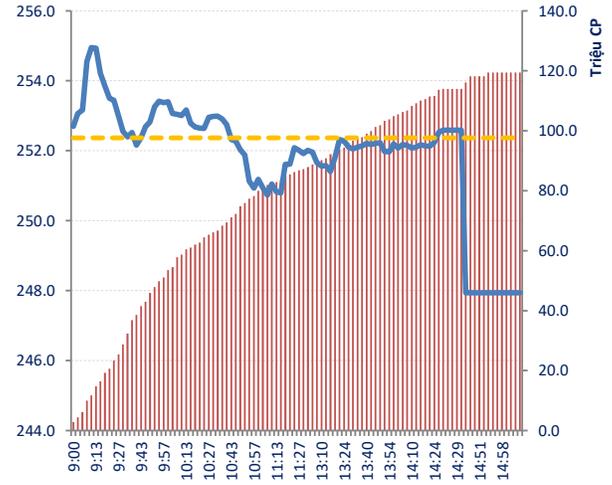
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 0,1 USD/ounce tương ứng với 0,01% lên 1.723,25 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,237 điểm tương ứng 0,26% lên 91,273 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,2013 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3872 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 106,9 JPY.
Giá dầu thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI giảm 0,07 USD/thùng tương ứng với 0,12% xuống 60,59 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng mạnh	Kết thúc phiên giao dịch ngày 1/3, chỉ số Dow Jones tăng 603,14 điểm tương ứng 1,95% lên 31.535,51 điểm; chỉ số Nasdaq tăng 396,48 điểm tương ứng 3,01% lên 13.588,83 điểm; chỉ số S&P 500 tăng 90,67 điểm tương ứng 2,38% lên 3.901,82 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

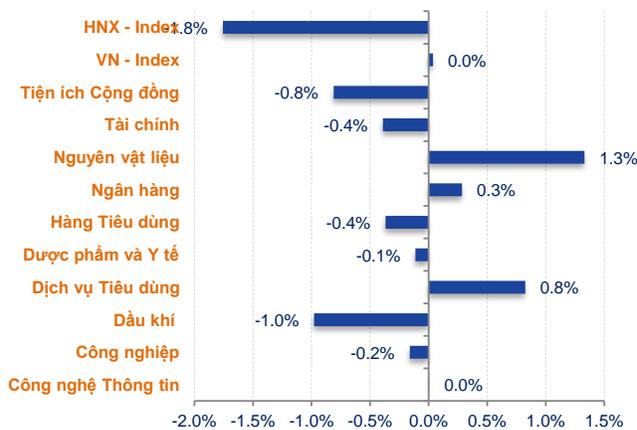
KLGD và VN-Index trong phiên



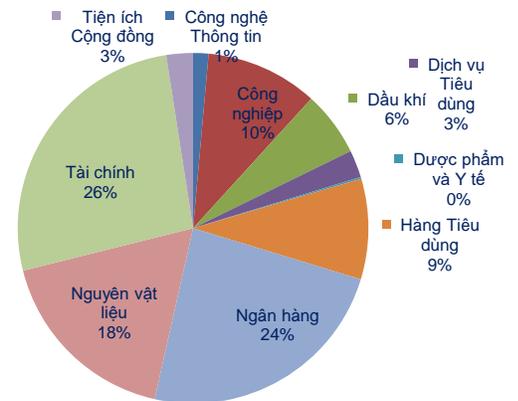
KLGD và HNX-Index trong phiên



Biến động giá phân theo nhóm Ngành



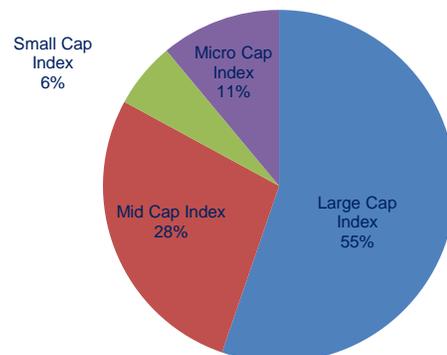
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PLX	1,628,600	HPG	3,121,203
2	FUEVFVND	1,181,700	POW	1,726,800
3	KBC	802,900	VNM	1,608,067
4	SSI	559,400	PVD	1,264,000
5	DIG	311,200	CTG	1,248,800

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	NVB	393,600	PVS	1,925,900
2	SHS	15,900	API	220,900
3	MBG	13,700	VE1	110,000
4	SED	10,600	BVS	79,380
5	VNR	5,300	ART	51,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	46.20	46.70	↑ 1.08%	24,108,703
STB	19.10	19.15	↑ 0.26%	21,303,000
TPB	28.00	29.75	↑ 6.25%	17,512,253
IJC	32.10	31.35	↓ -2.34%	16,428,865
FLC	6.50	6.10	↓ -6.15%	15,788,200

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHB	16.20	16.10	↓ -0.62%	27,236,396
PVS	23.30	22.80	↓ -2.15%	16,638,344
IDC	39.90	40.10	↑ 0.50%	6,604,400
SHS	28.00	28.00	→ 0.00%	6,505,861
NVB	15.10	15.10	→ 0.00%	4,365,310

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PTC	8.60	9.20	0.60	↑ 6.98%
TLH	9.05	9.68	0.63	↑ 6.96%
TTA	15.10	16.15	1.05	↑ 6.95%
NVT	9.07	9.70	0.63	↑ 6.95%
CLC	40.45	43.25	2.80	↑ 6.92%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
API	20.00	22.00	2.00	↑ 10.00%
VE1	5.00	5.50	0.50	↑ 10.00%
BTW	30.00	33.00	3.00	↑ 10.00%
VC7	10.00	11.00	1.00	↑ 10.00%
SDG	41.00	45.10	4.10	↑ 10.00%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LGC	80.00	74.40	-5.60	↓ -7.00%
TIX	30.60	28.50	-2.10	↓ -6.86%
UDC	6.63	6.20	-0.43	↓ -6.49%
HPX	39.15	36.70	-2.45	↓ -6.26%
FLC	6.50	6.10	-0.40	↓ -6.15%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MED	44.00	39.60	-4.40	↓ -10.00%
VTL	17.00	15.30	-1.70	↓ -10.00%
VTS	28.20	25.40	-2.80	↓ -9.93%
VCC	14.20	12.80	-1.40	↓ -9.86%
HLY	32.60	29.40	-3.20	↓ -9.82%

(*) Giá điều chỉnh



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	24,108,703	25.1%	4,056	11.5	2.6
STB	21,303,000	3250.0%	1,487	12.9	1.2
TPB	17,512,253	23.5%	3,469	8.6	1.8
IJC	16,428,865	18.9%	2,549	12.3	2.2
FLC	15,788,200	0.2%	38	158.9	0.3

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	27,236,396	12.7%	1,620	9.9	1.2
PVS	16,638,344	5.0%	1,357	16.8	0.8
IDC	6,604,400	7.0%	1,005	39.9	2.7
SHS	6,505,861	25.5%	3,639	7.7	1.8
NVB	4,365,310	0.0%	3	5,068.3	1.4

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
PTC	↑ 7.0%	22.2%	3,413	2.7	0.6
TLH	↑ 7.0%	5.2%	754	12.8	0.7
TTA	↑ 7.0%	8.1%	744	21.7	1.3
NVT	↑ 6.9%	1.4%	61	159.6	2.2
CLC	↑ 6.9%	18.1%	4,920	8.8	1.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
API	↑ 10.0%	11.0%	1,615	13.6	1.4
VE1	↑ 10.0%	-15.6%	(967)	-	1.0
BTW	↑ 10.0%	18.1%	3,831	8.6	1.5
VC7	↑ 10.0%	3.4%	363	30.3	1.0
SDG	↑ 10.0%	15.7%	8,839	5.1	1.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PLX	1,628,600	3.9%	807	72.6	3.0
UEVFN	1,181,700	N/A	N/A	N/A	N/A
KBC	802,900	2.0%	439	89.3	1.7
SSI	559,400	13.0%	2,095	16.7	2.1
DIG	311,200	14.3%	2,023	16.0	2.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
NVB	393,600	0.0%	3	5,068.3	1.4
SHS	15,900	25.5%	3,639	7.7	1.8
MBG	13,700	4.8%	597	12.2	0.7
SED	10,600	16.1%	3,979	4.6	0.7
VNR	5,300	10.0%	2,382	9.4	0.9

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	368,292	20.5%	4,974	20.0	3.7
VIC	365,979	4.0%	1,488	72.7	2.7
VHM	338,162	36.1%	8,463	12.1	3.8
VNM	219,236	35.0%	5,313	19.7	6.5
BID	177,170	9.1%	1,775	24.8	2.2

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	66,850	61.7%	10,379	18.4	12.6
SHB	28,261	12.7%	1,620	9.9	1.2
VCS	14,048	39.1%	9,088	9.7	3.6
IDC	12,030	7.0%	1,005	39.9	2.7
PVS	10,898	5.0%	1,357	16.8	0.8

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KPF	3.16	9.8%	1,009	10.5	0.9
DRH	2.89	5.8%	792	13.3	0.7
PXS	2.75	0.8%	45	154.1	1.2
EVG	2.46	2.7%	296	32.4	0.8
HRC	2.41	1.7%	297	187.1	3.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
LUT	3.60	0.0%	5	993.2	0.4
THD	2.76	61.7%	10,379	18.4	12.6
NGC	2.64	-2624.4%	(7,179)	-	-
ACM	2.60	0.0%	2	595.7	0.2
HHG	2.57	-20.6%	(1,900)	-	0.3



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trường phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
